

BÁO CÁO

**Sơ kết 03 năm thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg
ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về
xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

Kính gửi: Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long;
Đồng kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (sau đây gọi là Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg), nhằm đánh giá toàn diện về kết quả đạt được, những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân của công tác tiếp cận pháp luật, qua đó đề xuất các giải pháp tạo chuyển biến mạnh mẽ cho công tác này trong thời gian tới, ngày 31/01/2024, Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật trung ương đã ban hành Công văn số 573/HĐPH-PBGDPL về việc hướng dẫn thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật, trong đó hướng dẫn việc tổ chức sơ kết thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và qua theo dõi, kiểm tra, khảo sát, tổ chức các hội thảo, Bộ Tư pháp trân trọng báo cáo kết quả sơ kết thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 25/2021/QĐ-TTg

1. Công tác xây dựng thể chế, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện

Thực hiện khoản 6 Điều 3, khoản 5 Điều 5 của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Bộ Tư pháp cũng đã nghiên cứu, cho ý kiến đối với nội dung Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), chuẩn tiếp cận pháp luật (TCPL) và hòa giải ở cơ sở, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho việc bố trí và sử dụng kinh phí cho công tác đánh giá, công nhận đạt chuẩn TCPL cũng như thực hiện các tiêu chí về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở.

Bộ Tư pháp cũng đã phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

đưa tiêu chí TCPL vào các Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá “xã, phường, thị trấn tiêu biểu”¹; đánh giá nông thôn mới² và đô thị văn minh³.

Công tác đánh giá, công nhận chuẩn TCPL được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn TCPL hàng năm trên toàn quốc. Từ năm 2021 đến nay, Bộ Tư pháp đã ban hành 03 Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP⁴; 15 Công văn giải đáp, hướng dẫn một số nội dung về đánh giá, công nhận chuẩn TCPL cho địa phương (*xem Phụ lục I*). Đồng thời, Bộ Tư pháp cũng thường xuyên tổng hợp, giải đáp các khó khăn, vướng mắc của địa phương về công tác này thông qua các Hội nghị tập huấn, Tọa đàm cũng như đăng tải các văn bản, tài liệu trên Trang tin PBGDPL của Bộ Tư pháp, Cổng Thông tin điện tử PBGDPL quốc gia để tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ.

Tại địa phương, 63/63 Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (cấp tỉnh) đã ban hành Kế hoạch, văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, Thông tư số 09/2021/TT-BTP và tiêu chí TCPL trong các Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, đô thị văn minh. Trong đó, xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ thực hiện và giao trách nhiệm cho Sở Tư pháp, các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg tại địa phương. Căn cứ nhiệm vụ được UBND cấp tỉnh giao, các Sở Tư pháp đã chủ động tham mưu hoặc trực tiếp ban hành các Kế hoạch cụ thể để chỉ đạo, quán triệt, tập huấn, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL (*xem Phụ lục I*). UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (cấp huyện) đã thành lập, kiện toàn Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật để kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND cùng cấp trong đánh giá hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn TCPL. UBND cấp xã phân công công chức Tư pháp - Hộ tịch làm đầu mối tham mưu và tổ chức thực hiện đánh giá, chấm điểm, theo dõi các tiêu

¹ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

² Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1143/QĐ-BTP ngày 20/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành hướng dẫn nội dung tiêu chí, chỉ tiêu “tiếp cận pháp luật” trong đánh giá nông thôn mới và đô thị văn minh.

³ Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh.

⁴ Quyết định số 1320/QĐ-BTP ngày 18/8/2021; Quyết định số 425/QĐ-BTP ngày 21/3/2023; Quyết định số 153/QĐ-BTP ngày 02/02/2024.

chí, chỉ tiêu TCPL.

2. Truyền thông nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa và trách nhiệm thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg

Bộ Tư pháp luôn quan tâm, chú trọng thông tin, truyền thông nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL. Hàng năm, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các cơ quan báo chí (như Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Pháp luật Việt Nam...) xây dựng, thực hiện các bản tin, tọa đàm, phóng sự truyền thông, phổ biến về công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL cũng như tình hình, kết quả triển khai các tiêu chí TCPL trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới, đô thị văn minh (đặc biệt là các tiêu chí về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý)⁵. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử PBGDPL quốc gia (<http://pbgdpl.gov.vn>), Trang tin PBGDPL (<https://pbgdpl.moj.gov.vn>) thuộc Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp đăng tải nhiều tin, bài truyền thông, giới thiệu các văn bản, quy định và nghiên cứu, trao đổi các nội dung có liên quan đến đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL.

Ở địa phương, hoạt động truyền thông được tiến hành theo nhiều hình thức khác nhau qua các phương tiện thông tin đại chúng gắn với ứng dụng công nghệ thông tin. Các hình thức truyền thông được thực hiện như: chương trình, chuyên mục trên Đài Phát thanh - Truyền hình cấp tỉnh⁶; tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh cấp xã⁷; đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của các cấp, các ngành, trang thông tin điện tử của xã, phường, thị trấn; thông qua các ứng dụng mạng xã hội như Zalo, Facebook⁸; tổ chức tìm hiểu pháp luật về chuẩn TCPL⁹...

3. Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật

Từ năm 2021 đến nay, Bộ Tư pháp đã tổ chức biên soạn, in và phát hành 9.500 cuốn Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ về chuẩn TCPL và cấp phát cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã, ưu tiên địa bàn có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn; biên soạn một số tài liệu pháp luật (tiểu phẩm, tờ gấp, tình huống) phục vụ triển khai các tiêu chí tiếp cận thông tin, PBGDPL, hòa giải

⁵ Năm 2022: phối hợp xây dựng, thực hiện 10 bản tin, tọa đàm, phóng sự và 133 tin, bài trên các kênh truyền hình, chuyên mục của các Báo, Đài. Năm 2023: 01 chương trình, tọa đàm trên Báo Pháp luật Việt Nam, 01 bài phỏng vấn trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, 02 chuyên đề giới thiệu nội dung của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và thông tư số 09/2021/TT-BTP; 03 bản tin trên Đài Tiếng nói Việt Nam và các tin bài trên Trang tin điện tử PBGDPL; Năm 2024: phối hợp xây dựng, thực hiện 14 bản tin trên Đài Tiếng nói Việt Nam và các tin bài, ảnh trên Thông tấn xã Việt Nam, Báo Đại biểu nhân dân, Cổng thông tin điện tử Chính phủ,...

⁶ Các tỉnh: Đắk Lắk, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Lào Cai, Quảng Bình.

⁷ Các tỉnh: Bắc Giang, Đà Nẵng, Hưng Yên, Sóc Trăng.

⁸ Tỉnh Đồng Tháp, Thành phố Hồ Chí Minh.

⁹ Các tỉnh: Bạc Liêu, Bến Tre, Thành phố Hồ Chí Minh.

ở cơ sở; xây dựng 04 video bài giảng điện tử hướng dẫn triển khai Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP. Các tài liệu được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử PBGDPL quốc gia và Trang tin PBGDPL của Bộ Tư pháp.

Từ năm 2022 đến năm 2024, Bộ Tư pháp đã tổ chức 16 lớp tập huấn nghiệp vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL cho một số địa phương đại diện theo vùng, miền¹⁰; cử 13 lượt báo cáo viên pháp luật trung ương hỗ trợ tập huấn tại các Hội nghị, Tọa đàm do địa phương tổ chức¹¹.

Ở địa phương, công tác tập huấn nghiệp vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn được quan tâm, chú trọng. Các Sở Tư pháp chủ động tổ chức tập huấn gắn với thực hiện tiêu chí TCPL trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Trên cơ sở các lớp tập huấn do cấp tỉnh tổ chức, UBND cấp huyện thường xuyên chỉ đạo Phòng Tư pháp phối hợp với các phòng, ban chủ trì tổ chức hoặc lồng ghép triển khai nhiệm vụ về đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL tại các lớp phổ biến kiến thức pháp luật cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật và hòa giải viên ở cơ sở. Bên cạnh đó, một số địa phương chủ động biên soạn, in, phát hành tài liệu nghiệp vụ hướng dẫn đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL hoặc thực hiện thủ tục in nội bản Sổ tay nghiệp vụ về chuẩn TCPL của Bộ Tư pháp để cấp phát bổ sung cho tất cả các đơn vị cấp huyện, cấp xã trên địa bàn¹².

4. Công tác kiểm tra, khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người dân về hiệu quả cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Xác định công tác kiểm tra là một những nhiệm vụ trọng tâm của công tác quản lý nhà nước về chuẩn TCPL nhằm nắm bắt tình hình thực tiễn tổ chức thực hiện các văn bản, quy định về đánh giá, công nhận chuẩn TCPL tại cơ sở, giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương; kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn khắc phục những hạn chế, tồn tại trong triển khai công tác này. Từ năm 2022 đến nay, Bộ Tư pháp tổ chức 14 Đoàn kiểm tra, khảo sát¹³, kiểm tra lồng ghép với các Đoàn kiểm tra của Hội đồng phối hợp PBGDPL trung ương¹⁴, tổ chức 08 Hội thảo, tọa đàm chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm, đánh giá tình hình thực hiện công tác chuẩn TCPL¹⁵. Sở Tư pháp các địa phương đã chủ động tổ chức kiểm tra, nắm bắt tình hình triển khai Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, Thông tư 09/2021/TT-BTP tại cấp huyện, cấp xã trên địa bàn. Việc kiểm tra thường được thực hiện lồng ghép

¹⁰ Các Hội nghị tập huấn được tổ chức tại các tỉnh: Hà Giang, Gia Lai, Đồng Nai, Hà Tĩnh, Nam Định, Bắc Kạn, Tiền Giang, Long An, Khánh Hoà, Sóc Trăng, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Hoà Bình, Trà Vinh, Sơn La.

¹¹ Các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Cà Mau, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Cao Bằng.

¹² Các tỉnh: Bình Phước, Đắk Lắk, Hà Nam, Lào Cai, Sóc Trăng, Lai Châu, Quảng Ngãi, Gia Lai

¹³ Các tỉnh: Nghệ An, Hà Tĩnh, Bắc Kạn, Long An, Lâm Đồng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Hoà Bình, Trà Vinh, Cao Bằng, Sơn La, Đắk Nông, Bến Tre, Bình Phước.

¹⁴ Các tỉnh: Tây Ninh, Bình Dương, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Gia Lai, Đắk Lắk ...

¹⁵ Các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hà Tĩnh, Long An, Đắk Nông, Bến Tre, Thanh Hóa.

với kiểm tra của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, hoạt động thẩm định hồ sơ đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới, kiểm tra công tác tư pháp hằng năm và kiểm tra qua hồ sơ, báo cáo.

Đồng thời, thực hiện nhiệm vụ được giao tại điểm c khoản 1 Điều 6 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, năm 2023 và 2024, Bộ Tư pháp đã tổ chức khảo sát phục vụ đánh giá sự hài lòng về hiệu quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL tại 11 tỉnh, thành phố¹⁶. Năm 2024, để phục vụ hoạt động sơ kết, Bộ Tư pháp đã tiến hành khảo sát trực tuyến đối với tất cả các Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã trên toàn quốc về thực trạng triển khai công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL. Trên cơ sở đó, xây dựng báo cáo kết quả khảo sát và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện công tác này¹⁷.

Kết quả kiểm tra khảo sát cho thấy, về cơ bản, các đơn vị được kiểm tra đã xây dựng kế hoạch triển khai việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL; UBND cấp xã đã phân công công chức chuyên môn theo dõi, phụ trách, đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu TCPL gắn với lĩnh vực chuyên môn; việc tổ chức đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL đảm bảo quy trình, thời hạn theo quy định. Một số địa phương đã bố trí kinh phí cho công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn TCPL.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hướng dẫn, chỉ đạo đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức triển khai đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL từng bước được áp dụng. Các văn bản, kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai nhiệm vụ được cập nhật, đăng tải công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, địa phương. Bộ Tư pháp thường xuyên đăng tải các tin, bài giới thiệu, phổ biến các văn bản, chính sách mới trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp, Cổng Thông tin điện tử PBGDPL quốc gia, Facebook “Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật – Bộ Tư pháp” và Zalo “Phổ biến, giáo dục pháp luật”. Các địa phương chú trọng sử dụng trang mạng xã hội (Zalo, Facebook) hoặc xây dựng chuyên mục riêng về “Tiếp cận pháp luật” trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và cập nhật tin bài, các hoạt động triển khai nhiệm vụ đánh giá, công nhận đạt chuẩn TCPL. Có địa phương đã ứng dụng nền tảng Biểu mẫu và Trang tính của Google¹⁸,

¹⁶ Các tỉnh, thành phố: Quảng Nam, Hòa Bình, Trà Vinh, Sơn La, Hà Nội, Đắk Nông, Thanh Hóa, Bến Tre, Bình Định, Hải Dương, Điện Biên.

¹⁷ Báo cáo số 96/BC-PBGDPL ngày 08/11/2024 về kết quả khảo sát trực tuyến về thực trạng đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và đề xuất nhu cầu xây dựng phần mềm đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

¹⁸ Tỉnh Gia Lai sử dụng “Hệ thống rà soát dữ liệu kết quả thực hiện quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” từ năm 2021.

giúp việc cập nhật và thống kê số liệu được đồng bộ từ cấp xã lên cấp tỉnh, việc theo dõi, quản lý dữ liệu được nhanh chóng, chính xác, thuận tiện. Một số nơi tổ chức tập huấn theo hình thức trực tuyến kết nối các điểm cầu cấp huyện trên địa bàn¹⁹; tổ chức các Cuộc thi trực tuyến với chủ đề “Tìm hiểu pháp luật về nông thôn mới và chuẩn TCPL”²⁰, “Tìm hiểu quy định về xã, phường, thị trấn, quận, huyện, thị xã đạt chuẩn TCPL”²¹, “Thực hiện đúng, đầy đủ các chỉ tiêu, tiêu chí trong xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL”²².

Điều d khoản 1 Điều 6 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg giao Bộ Tư pháp “xây dựng, quản lý, vận hành phần mềm đánh giá, công nhận xã phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL trong phạm vi cả nước”. Năm 2023, Bộ Tư pháp đã tổ chức khảo sát tại 04 tỉnh Quảng Ngãi, Hòa Bình, Trà Vinh, Sơn La. Năm 2024, Bộ Tư pháp tiếp tục khảo sát trực tuyến đối với các Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch trên toàn quốc để xác định nhu cầu và thực trạng đáp ứng xây dựng, vận hành phần mềm. Kết quả khảo sát cho thấy, việc đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL hiện nay căn cứ chủ yếu vào hồ sơ, tài liệu giấy do đó việc thu thập thông tin, số liệu và lập hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn mất nhiều thời gian, việc lưu trữ gặp khó khăn (do hồ sơ cồng kềnh, nhiều giấy tờ), việc đánh giá, chấm điểm không chính xác, dễ dẫn đến sai sót. Đa số ý kiến khảo sát đều cho rằng cần thiết phải sớm xây dựng và triển khai phần mềm đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập nêu trên. Các ý kiến khảo sát đề nghị chức năng của phần mềm đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL kết nối liên thông, trao đổi, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp dưới với cấp trên và giữa đội ngũ cán bộ, công chức với nhau. Đồng thời, phần mềm thiết kế đơn giản; vận hành nhanh; có nhiều tiện ích hiện đại và khoa học; trích xuất được dữ liệu thống kê số liệu, tài liệu kiểm chứng để phục vụ chấm điểm từng chỉ tiêu, tiêu chí. Đặc biệt, cần có tính năng tự động kết nối với phần mềm thống kê của Bộ Tư pháp và các hệ thống khác có liên quan để tránh việc phải thực hiện nhiều lần nhập liệu một nội dung thông tin với từng phần mềm khác nhau.

Tuy nhiên, vẫn còn một số ý kiến cho rằng việc xây dựng phần mềm này không thực sự cần thiết (khoảng 11,7%) vì các nguyên nhân chủ yếu sau: Việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL chỉ thực hiện mỗi năm một lần. Hiện nay, cấp huyện và xã đang triển khai rất nhiều phần mềm phục vụ công tác (phần mềm thống kê, phần mềm hộ tịch, phần mềm 01 cửa, dịch vụ công quốc gia, dịch vụ công của các tỉnh...). Nếu tiếp tục xây dựng và đưa vào sử dụng

¹⁹ Các tỉnh: Hưng Yên, Hòa Bình, Vĩnh Long, Thành phố Hà Nội, Bình Định, Đồng Tháp, Phú Thọ, Thái Nguyên, Yên Bái.

²⁰ Các tỉnh: Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau.

²¹ Thành phố Hồ Chí Minh.

²² Tỉnh Trà Vinh.

phần mềm đánh giá đạt chuẩn TCPL dẫn đến việc tài liệu, thông tin được lưu trữ lặp lại, công chức phải dành nhiều thời gian nhập lại dữ liệu đã có từ phần mềm này sang phần mềm khác. Trong khi đó, khối lượng công việc của công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã rất lớn và thường xuyên luân chuyển, thay đổi vị trí công tác. Do đó, việc có thêm phần mềm gây khó khăn và tốn kém chi phí cho địa phương trong xây dựng và vận hành.

Hiện nay, Bộ Tư pháp cũng đang triển khai dự án đầu tư công về xây dựng “Hệ thống thông tin PBGDPL” và sẽ nghiên cứu đưa nội dung xây dựng phần mềm “đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL” thành một hợp phần của cơ sở dữ liệu về tiếp cận pháp luật tại dự án này với lộ trình cụ thể như sau: (i) Giai đoạn 2022-2025: Xây dựng “cơ sở dữ liệu về TCPL” để tạo thuận lợi cho các bộ, ngành, địa phương khai thác, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về đánh giá, công nhận đạt chuẩn TCPL; (ii) Giai đoạn 2026-2030: xây dựng phần mềm đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn với đầy đủ các chức năng theo dõi, chấm điểm các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật và thực hiện các bước trong quy trình đánh giá, công nhận trên môi trường điện tử, có sự liên thông, liên kết dữ liệu với các phần mềm có liên quan.

6. Nguồn lực thực hiện

Từ năm 2022 đến năm 2024, Bộ Tư pháp được bố trí 3.7 tỷ đồng²³ từ nguồn kinh phí ngân sách không thường xuyên cho triển khai các nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và 13.4 tỷ đồng từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 để triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu TCPL²⁴.

Ở địa phương, một số tỉnh, thành phố đã bố trí kinh phí riêng cho công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL²⁵; còn lại chủ yếu sử dụng nguồn kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hoặc kinh phí dành cho công tác PBGDPL và các chương trình, đề án của Sở Tư pháp.

7. Kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật trên toàn quốc

7.1. Kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

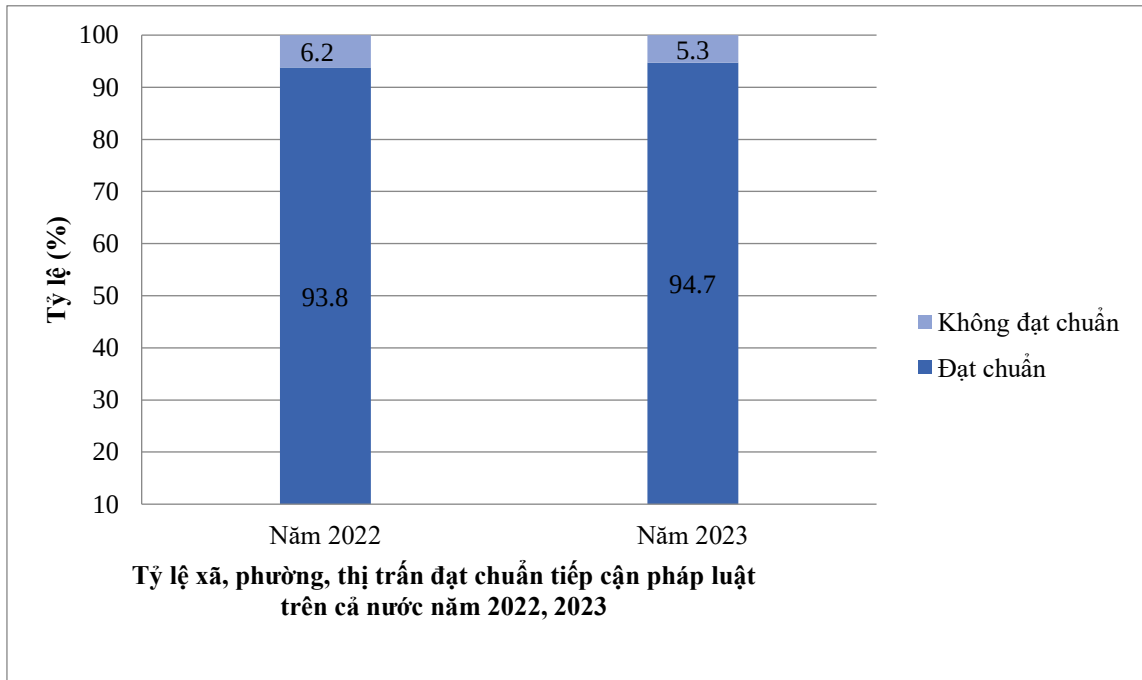
Trên cơ sở tổng hợp số liệu báo cáo sơ kết của các địa phương, năm 2022 có 10.073/10.743 đơn vị cấp xã được công nhận đạt chuẩn TCPL, đạt 93.8%. Năm 2023, có 10.188/10.671 đơn vị cấp xã được công nhận đạt chuẩn TCPL, đạt tỷ lệ

²³ Năm 2022: 02 tỷ đồng; năm 2023: 500 triệu đồng (năm 2023); năm 2024: 1.1 tỷ đồng.

²⁴ Trong đó: Kinh phí thực hiện công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở là 2.4 tỷ đồng; kinh phí thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý là 9.5 tỷ đồng; kinh phí thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình là 1.5 tỷ đồng.

²⁵ Các tỉnh: Bắc Kạn, Kiên Giang, Lào Cai, Nghệ An.

94.7% (xem Phụ lục 2). Số đơn vị cấp xã chưa đạt chuẩn TCPL chủ yếu vi phạm về điều kiện công nhận tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg vì có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.



7.2. Kết quả thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật

Việc thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật của chính quyền cấp xã trên toàn quốc cũng đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Về tiêu chí xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Từ năm 2021-2023, HĐND, UBND cấp xã trên cả nước ban hành 5.415 văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó năm 2021 là 2.842 văn bản, năm 2022 là 841 văn bản, năm 2023 là 1.732 văn bản²⁶. Trong 06 tháng đầu năm 2024, chính quyền cấp xã trên cả nước ban hành 810 văn bản quy phạm pháp luật²⁷.

Đối với tiêu chí tiếp cận thông tin: Về cơ bản, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện công khai thông tin theo quy định tại Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin. Qua 05 năm triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định số 13/2018/NĐ-CP, các cơ quan nhà nước đã nhận được 2.029.465 lượt yêu cầu cung cấp thông tin bằng các hình thức đa dạng, như: trực tiếp tại trụ sở cơ quan, qua mạng điện tử, hỏi đáp trực tiếp, thông qua hội nghị tiếp xúc cử tri, đối thoại chính sách, tiếp công dân, giải quyết thủ tục hành chính và giải quyết các công việc của

²⁶ Báo cáo số 01/BC-BTP ngày 01/01/2024 của Bộ Tư pháp về tình hình công tác tư pháp năm 2023, đánh giá kết quả công tác đến giữa nhiệm kỳ; định hướng nhiệm vụ công tác tư pháp đến hết nhiệm kỳ và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu công tác năm 2024.

²⁷ Báo cáo số 382/BC-BTP ngày 19/9/2024 của Bộ Tư pháp đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và dự kiến Kế hoạch pháp triển kinh tế - xã hội năm 2025 của Bộ, ngành Tư pháp.

công dân... Kết quả cụ thể, cơ quan nhà nước đã tiến hành cung cấp 2.015.727 thông tin cho người dân, trong đó: 962.060 thông tin được cung cấp trực tiếp tại trụ sở cơ quan; 720.147 thông tin được cung cấp qua mạng điện tử; 333.520 thông tin được cung cấp qua dịch vụ bưu chính, fax. Tại một số địa phương như: Lạng Sơn, Phú Thọ, Thanh Hóa, Thái Nguyên..., 100% các cơ quan, đơn vị đã ban hành Quy chế cung cấp thông tin của cơ quan, đơn vị. Bên cạnh đó, một số cơ quan không ban hành Quy chế riêng mà lồng ghép quy định việc tổ chức cung cấp thông tin trong quy chế làm việc hoặc thực hiện việc cung cấp thông tin theo Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.²⁸

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được chính quyền cấp xã quan tâm thực hiện. Hầu hết UBND cấp xã ban hành Kế hoạch PBGDPL hàng năm trong đó xác định nội dung, hình thức PBGDPL, phân công trách nhiệm cho các cơ quan, tổ chức trong triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật. Tính đến ngày 31/5/2024²⁹, cả nước có 154.889 tuyên truyền viên pháp luật. Năm 2023, các xã, phường, thị trấn trên cả nước đã tổ chức 185.330 cuộc PBGDPL trực tiếp cho lượt 12.017.831 người tham gia; tổ chức 4.560 cuộc thi tìm hiểu pháp luật với sự tham gia của 385.309 lượt người³⁰. Nhiều mô hình, hình thức thông tin, PBGDPL được triển khai hiệu quả được nhiều địa phương lựa chọn như câu lạc bộ “Thanh niên với pháp luật”; câu lạc bộ “Nông dân với pháp luật”; mô hình “Nông dân với pháp luật”; mô hình “Tổ liên gia An toàn PCCC”; câu lạc bộ “Phòng chống bạo lực gia đình”; mô hình “Pháp luật với học đường”; Mô hình tư vấn pháp luật;... Ngoài ra, có các mô hình nổi bật từ địa phương như: mô hình “Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo nói không với tệ nạn xã hội”, mô hình “Kệ sách pháp luật tại quán café” tại An Giang; mô hình Cây nở hoa tại Bình Dương; mô hình Quán Cà phê pháp luật tại Cần Thơ; mô hình 3T “Tuyên truyền - Tư vấn - Thành quả” tại Đồng Nai;... Chính quyền cấp xã trên cả nước đã quan tâm đến việc bố trí kinh phí cho bố trí cho công tác PBGDPL, cụ thể: năm 2021 được cấp 75.189.197.947 đồng, năm 2022 được cấp 85.020.070.462 đồng, năm 2023 được cấp 114.631.200.290 đồng³¹.

Về hòa giải ở cơ sở: Tính đến ngày 31/12/2023, trên cả nước có khoảng 86.178 tổ hòa giải, với 542.321 hòa giải viên. Năm 2021 các tổ hòa giải trên cả nước tiếp nhận và tiến hành hòa giải khoảng 110.396 vụ việc, hòa giải thành 88.922 vụ việc, tỷ lệ hòa giải thành đạt 80.5%; năm 2022 là 114.887 vụ việc, hòa giải thành 95.022 vụ việc, tỷ lệ hòa giải thành đạt 82.7% và năm 2023 là 106.419

²⁸ Theo Báo cáo số 373/BC-BTP ngày 17/11/2023 sơ kết 05 năm thực hiện triển khai Luật Tiếp cận thông tin năm 2016

²⁹ Theo số liệu Báo cáo thống kê các lĩnh vực ngành Tư pháp 5 tháng đầu năm 2024.

³⁰ Theo số liệu Báo cáo thống kê các lĩnh vực ngành Tư pháp năm 2023 kỳ báo cáo năm chính thức.

³¹ Theo số liệu Báo cáo thống kê các lĩnh vực ngành Tư pháp năm 2023.

vụ việc, hòa giải thành 90.594, tỷ lệ hòa giải thành đạt 85.1%³². Việc bố trí kinh phí cho công tác hòa giải cũng được chính quyền cấp xã quan tâm, theo số liệu thống kê của Bộ Tư pháp trên toàn quốc, năm 2021 được cấp 36.535.513.994 đồng, năm 2022 được cấp 38.390.997.871 đồng; năm 2023 được cấp 58.349.306.449 và 05 tháng đầu năm 2024 được cấp 30.940.912.224 đồng³³.

Về trợ giúp pháp lý: Các Trung tâm Trợ giúp pháp lý tại địa phương đã kịp thời ban hành văn bản về việc phối hợp cung cấp thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý, người được trợ giúp pháp lý gửi đến UBND cấp huyện, Phòng Tư pháp và UBND cấp xã, đề nghị UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Tư pháp, UBND cấp xã thuộc đơn vị quản lý phối hợp với Trung tâm thực hiện có hiệu quả các nội dung về trách nhiệm giải thích quyền được trợ giúp pháp lý và giới thiệu đến Trung tâm các trường hợp người thuộc diện được trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương dự trong các vụ việc tham gia tố tụng cư trú trên địa bàn. Một số Trung tâm đã tổ chức tập huấn về thông tin, giới thiệu, hướng dẫn về trợ giúp pháp lý cho đội ngũ công chức Phòng Tư pháp; công chức tư pháp hộ tịch cấp xã; cán bộ, viên chức Trung tâm³⁴...; phối hợp với Phòng Tư pháp, hướng dẫn UBND cấp xã triển khai việc giới thiệu thông tin về trợ giúp pháp lý và cấp phát tài liệu, hướng dẫn pháp luật trực tiếp cho người dân tại cơ sở³⁵; lắp đặt mới, thay thế các Bảng thông tin, hộp tin trợ giúp pháp lý tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn. Một số Trung tâm đã tham mưu Sở Tư pháp ban hành văn bản đề nghị UBND quận, huyện chỉ đạo Phòng Tư pháp và UBND cấp xã thực hiện nghiêm túc hoạt động thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý³⁶. Tại một số địa phương, UBND cấp xã đã thông tin, giới thiệu người thuộc diện trợ giúp pháp lý đến Trung tâm³⁷.

Việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn đạt được nhiều kết quả: Việc tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân hàng năm được chính quyền cấp xã thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, thủ tục theo quy định pháp luật. Thông qua việc đánh giá, công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật góp phần phát huy trách nhiệm của UBND cấp xã trong bảo đảm thực hiện các nội dung về dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Công tác tiếp công dân, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo: Qua kiểm tra, theo dõi cho thấy, UBND cấp xã đều ban hành Nội quy tiếp công dân; có lịch tiếp công dân hàng tuần, trong đó phân công rõ trách nhiệm tiếp công

³² Theo số liệu Báo cáo số 189/BC-BTP ngày 26/4/2024 của Bộ Tư pháp tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.

³³ Theo số liệu Báo cáo thống kê các lĩnh vực ngành Tư pháp năm 2021, 2022, 2023 và 05 tháng đầu năm 2024.

³⁴ Các tỉnh, thành phố: TP. Hồ Chí Minh, Hưng Yên, Khánh Hoà, Nam Định, Hậu Giang, Hà Tĩnh, Bắc Ninh, Lâm Đồng, Đồng Tháp

³⁵ Các tỉnh, thành phố: Tuyên Quang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Định, Hải Phòng.

³⁶ Các tỉnh, thành phố: Bắc Kạn, Hà Nội, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai.

³⁷ như Bến Tre (16 trường hợp), Hà Tĩnh (13 trường hợp), Long An (17 trường hợp), Nam Định (30 trường hợp), Thái Bình (14 trường hợp).

dân của lãnh đạo UBND xã và công chức chuyên môn. Chính quyền cấp xã là nơi tiếp xúc gần nhất với người dân đã làm tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kịp thời giải quyết những thắc mắc, khiếu kiện của công dân, không để tồn đọng, hạn chế khiếu kiện vượt cấp. Các chỉ tiêu về giải quyết thủ tục hành chính, xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự đều đạt tỷ lệ cao.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

Qua 03 năm triển khai Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP, các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm, tích cực thực hiện và dần đi vào nề nếp, đạt được kết quả nhất định; trách nhiệm của chính quyền, cán bộ, công chức cấp xã trong tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật hướng tới xây dựng môi trường pháp lý lành mạnh cho người dân tại cơ sở tiếp tục tăng cường. Cơ quan tư pháp các cấp đã chủ động tham mưu, giúp UBND cùng cấp tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao; tham gia tích cực vào việc thẩm định, đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn TCPL gắn với đánh giá nông thôn mới; tập huấn cho cán bộ, công chức tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; kịp thời giải đáp, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn; xây dựng và cấp phát cho cơ sở các tài liệu phổ biến kiến thức pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ có liên quan đến các tiêu chí, chỉ tiêu; chọn điểm triển khai mô hình PBGDPL, hòa giải ở cơ sở hiệu quả, điển hình tại cơ sở... Từ đó, cho thấy các cơ quan, các ngành, các cấp đã nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, vai trò của nhiệm vụ này trước yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật của chính quyền địa phương cấp xã.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

a) Về thể chế

Một số quy định của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP còn vướng mắc, không phù hợp với thực tiễn:

- Một số quy định chưa bảo đảm tính thống nhất với các quy định tại các văn bản mới được ban hành như Luật Thực hiện dân chủ năm 2022, Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”... gây lúng túng cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

- Hằng năm, cùng với đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL, chính quyền cấp xã đang thực hiện đánh giá theo nhiều bộ tiêu chí khác nhau như: tiêu

chuẩn chính quyền trong sạch, vững mạnh; tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn đô thị văn minh; tiêu chí đạt chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”, tiêu chuẩn xã phường, thị trấn tiêu biểu... Trong đó, nội dung một số chỉ tiêu, tiêu chí có sự trùng lặp nhưng mỗi bộ tiêu chí lại có cách thức, thời gian đánh giá khác nhau.

- Thời điểm tổ chức đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL theo quy định được thực hiện vào đầu năm liền kề sau năm đánh giá nên không sử dụng kết quả chuẩn TCPL để đánh giá, tổng kết, thi đua, khen thưởng, xếp loại chính quyền cấp xã. Do đó chưa có sự ràng buộc trách nhiệm để thúc đẩy cán bộ, công chức quan tâm thực hiện. Đồng thời, cũng gây khó khăn trong việc tổng hợp thông tin, số liệu trong công tác báo cáo, thống kê.

- Quy định về tài liệu đánh giá tại một số chỉ tiêu, tiêu chí chưa rõ ràng hoặc khó để tổng hợp đầy đủ tài liệu đánh giá như các chỉ tiêu về ban hành văn bản hành chính, công khai thông tin, trợ giúp pháp lý, thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn... gây khó khăn trong tổng hợp số liệu, chấm điểm, đánh giá.

- Thời gian cấp xã gửi hồ sơ tự đánh giá công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL rất ngắn (ngày 10/01 năm liền kề năm đánh giá), trong khi chưa có phần mềm đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL, đã gây khó khăn cho địa phương trong công tác tổng hợp, báo cáo, số liệu không chính xác.

- Chưa quy định về đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn trong trường hợp sắp xếp đơn vị hành chính.

- Chưa quy định về việc xử lý Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi phát hiện việc công nhận chưa đảm bảo điều kiện, chưa tuân thủ đúng quy trình đánh giá, xét cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Về nhận thức

- Nhiều địa phương chưa quan tâm đúng mức tới công tác chỉ đạo, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cán bộ, Nhân dân về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL, dẫn đến cán bộ, công chức và người dân chưa quan tâm đến công tác đánh giá này đối với việc bảo đảm quyền công dân, trong đó có quyền tiếp cận thông tin pháp luật.

- Một số địa phương chưa phân công cho các công chức của xã, phường, thị trấn trong theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật; còn coi công tác đánh giá tiếp cận pháp luật là nhiệm vụ của công chức Tư pháp – Hộ tịch.

c) Về công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, phối hợp, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý công tác đánh giá, công nhận tiếp cận pháp luật

- Một số địa phương chưa chú trọng công tác chỉ đạo, hướng dẫn bảo đảm triển khai đồng bộ công tác đánh giá, công nhận đạt chuẩn TCPL trên địa bàn.

Việc chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện có lúc, có nơi chưa đầy đủ, kịp thời và quyết liệt. Công tác phối hợp, phân công trách nhiệm, nhiệm vụ rõ ràng, kịp thời nắm bắt tình hình thực tế, đề ra giải pháp khắc phục các tồn tại, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn chưa được thường xuyên.

- Công tác kiểm tra chưa triệt để, chưa có biện pháp xử lý đối với những đơn vị thực hiện không nghiêm túc các quy định về đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật còn chậm (chưa xây dựng phần mềm đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật áp dụng trên cả nước); việc tổ chức đánh giá sự hài lòng của người dân về hiệu quả cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật chưa đáp ứng được mục tiêu đề ra.

- Một số đơn vị cấp xã chưa xây dựng Chuyên mục về tiếp cận thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, chưa kịp thời đăng tải, cung cấp thông tin do cơ quan, đơn vị tạo ra; một số nơi còn chậm trễ trong việc lập Danh mục thông tin phải công khai và đăng tải danh mục trên Cổng/Trang thông tin điện tử theo quy định; hệ thống thông tin, dữ liệu còn chưa đồng bộ, một số thông tin chưa được cập nhật kịp thời nên việc cung cấp, khai thác sử dụng còn hạn chế; việc ứng dụng công nghệ thông tin của người dân còn hạn chế, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số gây khó khăn trong việc khai thác và cập nhật thông tin...³⁸

d) Về việc tổ chức đánh giá, công nhận tiếp cận pháp luật và thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật

- Việc tổ chức đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ở một số địa phương thực hiện chưa nghiêm túc, còn mang tính hình thức; chưa phát huy vai trò, sự tham gia của các công chức chuyên môn theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu trong phối hợp tổ chức triển khai nhiệm vụ; tài liệu đánh giá chưa đầy đủ hoặc không có tài liệu kiểm chứng; việc tổ chức thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu chưa đạt yêu cầu; kết quả công nhận đạt chuẩn TCPL chưa phản ánh đúng thực trạng, không thống nhất với kết quả đánh giá sự hài lòng của người dân về hiệu quả triển khai các tiêu chí, chỉ tiêu TCPL.

- Một số địa phương chưa tuân thủ thời gian đánh giá, đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm tư vấn, thẩm định của thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật. Kết quả

³⁸ Báo cáo số 373/BC-STP ngày 17/11/2023 của Bộ Tư pháp sơ kết 05 năm triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin năm 2016.

công nhận đạt chuẩn TCPL chưa thực sự phản ánh đúng tình hình thực tế ở địa phương³⁹.

- Các địa phương chưa chú trọng thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật mà chỉ tập trung vào hoạt động đánh giá, công nhận. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu, tiêu chí chưa cao hoặc thực hiện chưa đúng quy định pháp luật như: chỉ tiêu về ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁴⁰; công khai thông tin, cung cấp thông tin; bố trí kinh phí cho công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở; các chỉ tiêu về thực hiện các nội dung về dân chủ ở xã, phường, thị trấn...

đ) Nguồn lực bảo đảm cho công tác đánh giá, công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật

Nguồn lực, ngân sách nhà nước bố trí kinh phí cho cơ quan Tư pháp các cấp triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu. Nhiều địa phương chưa được bố trí kinh phí riêng. Cấp huyện, cấp xã hầu như sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên cho công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở hoặc lồng ghép với các hoạt động chuyên môn khác để thực hiện nhiệm vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL.

2.2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, nhận thức của lãnh đạo chính quyền, cán bộ, công chức về nhiệm vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật chưa đúng, chưa đầy đủ.

Thứ hai, đội ngũ công chức cấp xã nhìn chung còn ít về số lượng, hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ, trong bối cảnh phải đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ. Về cơ bản, công chức cấp xã chưa nắm đầy đủ chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách nên không biết hoặc lúng túng trong việc tham mưu, đề xuất và triển khai giải pháp thực hiện công tác này trong thực tiễn.

Thứ ba, sự phối hợp giữa cơ quan Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ còn chưa chặt chẽ, chưa thường xuyên; vẫn còn tâm lý coi đây là nhiệm vụ của riêng ngành Tư pháp.

b) Nguyên nhân khách quan

- Thời điểm lập hồ sơ đánh giá, đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp

³⁹ Thông qua hoạt động kiểm tra, các địa phương trên cả nước đã thực hiện thu hồi Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đối với 05 trường hợp tại các xã thuộc các tỉnh: An Giang, Bạc Liêu, Đồng Nai, Kiên Giang, Quảng Nam.

⁴⁰ Năm 2023, UBND cấp xã được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn theo Khoản 2 Điều 35 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022. Tuy nhiên, qua kiểm tra, theo dõi đến nay nhiều đơn vị cấp xã chưa ban hành được văn bản này.

cận pháp luật hàng năm trùng với thời điểm tổng kết công tác năm và triển khai nhiệm vụ của năm tiếp theo dẫn đến khó khăn trong bảo đảm đúng tiến độ và yêu cầu theo quy định.

- Một số đơn vị cấp xã thực hiện luân chuyển, sắp xếp lại cán bộ, công chức cấp xã nên gặp nhiều khó khăn trong công tác tiếp nhận, bàn giao công việc.

- Ngân sách các cấp bố trí cho công tác chuẩn TCPL còn hạn hẹp, trong khi các nhiệm vụ phải thực hiện tương đối nhiều. Địa phương tập trung ngân sách chủ yếu cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế, an ninh trật tự, do đó không bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Phương hướng

a) Tiếp tục hoàn thiện chính sách, thể chế về đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL đáp ứng yêu cầu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

b) Triển khai có hiệu quả Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn nhằm đưa kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL bảo đảm thực chất, phản ánh đúng thực tế khách quan.

c) Tăng cường công tác phối hợp giữa Bộ Tư pháp với các bộ, ngành, địa phương trong chỉ đạo, hướng dẫn và triển khai thực hiện nhiệm vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL, nhất là các bộ, ngành được giao chủ trì các bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chính quyền cấp xã có liên quan đến tiêu chí tiếp cận pháp luật.

d) Bảo đảm các nguồn lực (cán bộ, kinh phí, cơ sở vật chất) phù hợp để thực hiện nhiệm vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

đ) Tiếp tục xác định tiêu chí, chỉ tiêu “tiếp cận pháp luật” là tiêu chí thành phần của các Bộ Tiêu chí quốc gia nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2026-2030.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Nghiên cứu, đề xuất các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và các văn bản liên quan bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với điều kiện phát triển - xã hội.

Trong đó, các tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL đáp ứng tính khả thi, khoa học, gắn với bảo đảm thực hiện các quyền con người, quyền công dân tại cơ sở nhưng không trùng lặp với nội dung các bộ tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá chính quyền cấp xã khác; kế thừa những quy định còn phù hợp, sửa đổi, thay thế các quy định không còn phù hợp; bổ sung quy định về các trường hợp sáp nhập địa giới hành chính, quy định về các biện pháp xử lý Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL khi phát hiện việc xét, công nhận chuẩn TCPL chưa bảo đảm theo đúng quy định pháp luật tạo cơ sở pháp lý bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL nghiêm túc, thực chất.

2.2. Tăng cường thông tin, truyền thông bằng các hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức và Nhân dân về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tác động của việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

2.3. Chú trọng hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, nắm bắt tình hình thực hiện việc đánh giá, công nhận cấp xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL gắn với tổ chức khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người dân về hiệu quả cấp xã đạt chuẩn TCPL để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với địa phương thực hiện chưa nghiêm túc, đầy đủ, đúng trách nhiệm được giao.

2.4. Nâng cao hiệu quả bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đánh giá, công nhận chuẩn TCPL cho công chức được giao tham mưu, theo dõi thực hiện nhiệm vụ; chú trọng tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở, trợ giúp viên pháp lý.

2.5. Quan tâm đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất; huy động và sử dụng nguồn lực thực hiện các nội dung, tiêu chí TCPL một cách hiệu quả. Huy động các nguồn lực theo hướng lồng ghép thực hiện nhiệm vụ có liên quan từ các chương trình, đề án khác của trung ương, địa phương, đặc biệt nguồn lực từ các Chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện các tiêu chí TCPL.

2.6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL, trọng tâm là xây dựng phần mềm đánh giá gắn với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị Lãnh đạo Chính phủ quan tâm chỉ đạo:

- Giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg.

- Giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, rà soát, nghiên cứu tham mưu các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chính quyền cấp xã bảo đảm tính thống nhất, khả thi và thuận lợi cho địa phương triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo Bộ Tài chính tham mưu việc bảo đảm, bố trí kinh phí hằng năm cho cơ quan Tư pháp và địa phương triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg.

- Chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc tiếp tục ưu tiên nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cho việc triển khai các giải pháp thúc đẩy thực hiện các tiêu chí xây dựng, ban hành văn bản, tiếp cận thông tin pháp luật, PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý góp phần phục vụ mục tiêu xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

2. Đề nghị các Bộ, ngành phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp trong chỉ đạo theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL; nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở.

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, bố trí kinh phí tổ chức thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP tại địa phương kịp thời, hiệu quả, đúng quy định.

- Rà soát các vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân các đơn vị cấp xã chưa đạt chuẩn TCPL hoặc đã được công nhận đạt chuẩn TCPL nhưng kết quả đánh giá chưa bảo đảm thực chất. Từ đó có các giải pháp khắc phục, nhất là đối với các đơn vị cấp xã chưa đạt chuẩn.

- Tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp huyện và cấp xã, bảo đảm nắm vững kiến thức chuyên môn để tham mưu, triển khai nhiệm vụ đúng quy định, có chất lượng, hiệu quả (chú trọng các kiến thức và kỹ năng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiếp cận thông tin, PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý).

Trên đây là Báo cáo kết quả sơ kết 03 năm thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp báo cáo và kính trình Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (để biết);
- Ủy ban Dân tộc (để phối hợp);
- Các bộ: Nội vụ, Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban dân tộc (để phối hợp);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (để thực hiện);
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (để tham mưu);
- Lưu: VT, PBGDPL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Tịnh

Phụ lục I
CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ,
CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT ĐÃ BAN HÀNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 508/BC-BTP ngày 12 tháng 12 năm 2024 của
Bộ Tư pháp)

I. Các văn bản của Bộ Tư pháp

STT	VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN
1.	Quyết định số 1320/QĐ-BTP ngày 18/8/2021 ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật
2.	Quyết định số 36/QĐ-BTP ngày 12/01/2022 ban hành Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022
3.	Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 31/01/2023 ban hành Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023
4.	Quyết định số 153/QĐ-BTP ngày 02/02/2024 ban hành Kế hoạch của Bộ Tư pháp thực hiện các văn bản, Đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật, tiếp cận pháp luật năm 2024
5.	Quyết định số 121/QĐ-BTP ngày 29/01/2024 phê duyệt Kế hoạch công tác năm 2024 của Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật.
6.	Quyết định số 425/QĐ-BTP ngày 21/3/2023 phê duyệt Kế hoạch triển khai Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 năm 2023
7.	Quyết định số 121/QĐ-BTP ngày 29/01/2024 phê duyệt Kế hoạch công tác năm 2024 của Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật
8.	Quyết định số 153/QĐ-BTP ngày 02/02/2024 ban hành Kế hoạch của Bộ Tư pháp thực hiện các văn bản, Đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật, tiếp cận pháp luật năm 2024

9.	Công văn số 745/BTP-PBGDPL ngày 14/3/2022 về việc hướng dẫn thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022
10.	Công văn số 1217/BTP-PBGDPL ngày 19/4/2022 về việc trả lời kiến nghị của Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk
11.	Công văn số 4138/BTP-PBGDPL ngày 24/10/2022 gửi Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang về hướng dẫn đánh giá tiêu chí tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025
12.	Công văn số 4294/BTP-PBGDPL ngày 01/11/2022 gửi Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về hướng dẫn tiêu chí huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật
13.	Công văn số 1445/BTP-PBGDPL ngày 17/4/2023 gửi Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi về hướng dẫn tiêu chí huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và nội dung tiêu chí thành phần số 7.5 tại Phụ lục I Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg
14.	Công văn số 2069/BTP-PBGDPL ngày 26/5/2023 trả lời kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về một số nội dung liên quan đến đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật
15.	Công văn số 2609/BTP-PBGDPL ngày 23/6/2023 hướng dẫn một số nội dung về đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật
16.	Công văn số 317/PBGDPL-TCHG ngày 13/7/2023 góp ý văn bản hướng dẫn sử dụng kết quả đánh giá phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật để xét công nhận phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh
17.	Công văn số 568/PBGDPL-TCHG ngày 13/11/2023 gửi Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang về điều kiện xét công nhận xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đạt chuẩn tiếp cận pháp luật
18.	Công văn số 628/PBGDPL-TCHG ngày 04/12/2023 gửi Sở Tư pháp thành phố Hà Nội hướng dẫn việc sử dụng kết quả đánh giá tiếp cận pháp luật trong đánh giá, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025

19.	Công văn số 573/HĐPH-PBGDPL ngày 30/01/2024 về việc hướng dẫn thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật
20.	Công văn số 3727/BTP-PBGDPL ngày 04/7/2024 trả lời các đề xuất, kiến nghị của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Tây Ninh
21.	Công văn số 234/KHTC-VP ngày 09/05/2024 trả lời kiến nghị của Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ
22.	Công văn số 6496/BTP-PBGDPL ngày 12/11/2024 hướng dẫn đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật đối với các đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện hình thành sau sắp xếp
23.	Công văn số 6979/BTP-PBGDPL ngày 04/12/2024 hướng dẫn nội dung, biểu mẫu Báo cáo kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024

II. Các văn bản của địa phương

STT	Tỉnh/Thành phố	Văn bản của UBND	Văn bản của Sở Tư pháp	Văn bản của Hội đồng PH PBGDPL
	TỔNG SỐ	358	454	63
1	An Giang	4	14	4
2	Bà Rịa – Vũng Tàu	6	3	0
3	Bạc Liêu	8	14	0
4	Bắc Giang	4	14	0
5	Bắc Kạn	4	1	1
6	Bắc Ninh	1	8	0
7	Bến Tre	11	2	1
8	Bình Dương	6	7	1
9	Bình Định	4	5	2
10	Bình Phước	18	12	0
11	Bình Thuận	5	9	1
12	Cà Mau	12	3	0
13	Cao Bằng	5	10	0

14	Cần Thơ	5	8	4
15	Đà Nẵng	6	1	0
16	Đắk Lắk	9	12	1
17	Đắk Nông	9	14	1
18	Điện Biên	8	3	1
19	Đồng Nai	8	8	4
20	Đồng Tháp	6	0	1
21	Gia Lai	4	19	0
22	Hà Giang	3	4	0
23	Hà Nam	5	4	1
24	Hà Nội	9	2	1
25	Hà Tĩnh	3	7	0
26	Hải Dương	4	3	0
27	Hải Phòng	5	2	0
28	Hậu Giang	3	7	0
29	Hòa Bình	4	3	1
30	Tp. Hồ Chí Minh	2	31	4
31	Hung Yên	5	9	4
32	Khánh Hòa	6	0	0
33	Kiên Giang	10	0	0
34	Kon Tum	7	5	0
35	Lai Châu	4	5	1
36	Lạng Sơn	5	14	0
37	Lào Cai	6	5	2
38	Lâm Đồng	2	3	2
39	Long An	6	1	1
40	Nam Định	3	3	0
41	Nghệ An	7	10	0
42	Ninh Bình	7	5	0
43	Ninh Thuận	11	3	3
44	Phú Thọ	4	0	0
45	Phú Yên	4	7	0
46	Quảng Bình	1	11	3
47	Quảng Nam	5	6	2
48	Quảng Ngãi	10	33	0

49	Quảng Ninh	5	1	0
50	Quảng Trị	6	22	0
51	Sóc Trăng	8	6	0
52	Sơn La	7	13	0
53	Tây Ninh	6	10	5
54	Thái Bình	3	5	0
55	Thái Nguyên	3	3	5
56	Thanh Hóa	6	11	0
57	Thừa Thiên Huế	10	1	0
58	Tiền Giang	3	5	4
59	Trà Vinh	1	7	0
60	Tuyên Quang	4	7	0
61	Vĩnh Long	3	5	0
62	Vĩnh Phúc	3	2	2
63	Yên Bái	6	6	0

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Phụ lục II****SỐ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2022, 2023***(Ban hành kèm theo Báo cáo số 508/BC-BTP ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp)*

Stt	Tỉnh, Thành phố	Năm 2022					Năm 2023				
		Tổng số xã, phường, thị trấn		Số đơn vị xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL		Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL (%)	Tổng số xã, phường, thị trấn		Số đơn vị xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL		Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL (%)
		Xã	Phường, thị trấn	Xã	Phường, thị trấn		Xã	Phường, thị trấn	Xã	Phường, thị trấn	
Tổng số trên toàn quốc		8.261	2.482	7.837	2.236	93,8%	8.149	2.522	7.896	2.292	94,7%
1	An Giang	116	40	114	40	98,7	110	46	104	45	95,5
2	Bà Rịa – Vũng Tàu	47	35	44	31	91,5	47	35	46	35	98,8
3	Bạc Liêu	49	15	46	13	92,2	49	15	47	14	95,3
4	Bắc Giang	180	27	177	25	97,6	175	34	165	31	93,8
5	Bắc Kạn	95	13	93	13	98,1	95	13	94	13	99,1
6	Bắc Ninh	89	37	82	36	93,7	70	56	65	55	95,2
7	Bến Tre	142	15	140	16	99,4	139	18	136	18	98,1
8	Bình Dương	41	50	40	49	97,8	41	50	39	47	94,5
9	Bình Định	116	43	115	43	99,4	116	43	116	43	100
10	Bình Phước	86	25	84	24	97,3	86	25	82	19	91,0
11	Bình Thuận	93	31	114	10	100	93	31	118	6	100

12	Cà Mau	82	19	80	18	97	82	19	81	17	97,0
13	Cao Bằng	139	22	127	21	91,9	139	22	117	17	83,2
14	Cần Thơ	36	47	35	47	98,8	36	47	36	43	95,2
15	Đà Nẵng	11	45	11	44	98,2	11	45	11	44	98,2
16	Đắk Lắk	152	32	139	31	92,4	151	33	147	33	97,8
17	Đắk Nông	60	11	53	11	90,1	60	11	57	10	94,4
18	Điện Biên	115	14	96	13	84,5	115	14	106	14	93,0
19	Đồng Nai	121	49	115	46	94,7	121	49	118	48	97,6
20	Đồng Tháp	115	28	110	26	95,1	115	28	111	28	97,2
21	Gia Lai	182	38	162	38	90,9	182	38	172	38	95,5
22	Hà Giang	175	18	182	1	94,8	175	18	180	1	93,8
23	Hà Nam	83	26	83	25	99,1	83	26	82	26	99,1
24	Hà Nội	383	196	361	194	95,9	383	196	363	193	96,0
25	Hà Tĩnh	182	34	176	33	96,8	182	34	178	33	97,7
26	Hải Dương	178	57	175	54	97,4	178	57	176	56	98,7
27	Hải Phòng	141	76	135	74	96,3	141	76	134	74	95,9
28	Hậu Giang	51	24	49	23	96	51	24	50	24	98,7
29	Hòa Bình	130	22	125	21	96,1	129	22	122	22	95,4
30	Tp. Hồ Chí Minh	58	254	57	248	97,8	58	254	58	249	98,4
31	Hưng Yên	139	22	133	22	96,3	139	22	135	21	96,9
32	Khánh Hòa	95	41	94	36	95,6	95	41	88	39	93,4
33	Kiên Giang	116	28	114	28	98,6	116	28	109	27	94,4
34	Kon Tum	85	17	76	16	90,2	85	17	85	17	100
35	Lai Châu	94	12	86	12	92,5	94	12	94	12	100
36	Lạng Sơn	181	19	174	19	96,5	181	19	179	18	98,5
37	Lào Cai	127	25	119	22	92,8	127	25	123	24	96,7
38	Lâm Đồng	111	31	107	30	96,5	110	31	107	31	97,9
39	Long An	161	27	157	26	97,3	161	27	160	27	99,5
40	Nam Định	188	38	180	37	96	188	38	185	36	97,8

41	Nghệ An	411	49	337	46	83,3	411	49	355	48	87,6
42	Ninh Bình	119	24	117	22	97,2	119	24	117	24	98,6
43	Ninh Thuận	47	18	45	18	96,9	47	18	42	18	92,3
44	Phú Thọ	197	28	194	27	98,2	197	28	192	28	97,8
45	Phú Yên	83	27	77	26	93,6	83	27	76	25	91,8
46	Quảng Bình	128	23	118	23	93,4	128	23	122	23	96,0
47	Quảng Nam	197	44	195	36	95,9	197	44	191	43	97,1
48	Quảng Ngãi	173	148	129	23	47,4	173	148	139	24	50,8
49	Quảng Ninh	98	79	93	77	96,0	98	79	98	77	98,9
50	Quảng Trị	101	24	97	22	95,2	101	24	98	23	96,8
51	Sóc Trăng	80	29	79	29	99,1	80	29	80	29	100
52	Sơn La	188	16	175	16	93,6	188	16	174	16	93,1
53	Tây Ninh	71	23	69	22	96,8	71	23	69	23	97,9
54	Thái Bình	241	19	237	18	98,1	241	19	238	19	98,8
55	Thái Nguyên	128	50	123	46	94,9	126	51	123	51	98,3
56	Thanh Hóa	468	91	436	88	93,7	468	91	447	85	95,2
57	Thừa Thiên Huế	95	46	90	46	96,5	95	46	93	46	98,6
58	Tiền Giang	142	30	139	30	98,3	142	30	140	30	98,8
59	Trà Vinh	85	21	82	21	97,2	85	21	84	21	99,1
60	Tuyên Quang	122	16	116	15	94,9	122	16	113	15	92,8
61	Vĩnh Long	87	20	86	20	99,1	87	20	83	20	96,3
62	Vĩnh Phúc	105	31	98	28	92,6	102	34	101	33	98,5
63	Yên Bái	150	23	145	21	96	150	23	145	23	97,1